

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ I năm học 2017- 2018

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ- CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-TCĐT ngày 14/8/2017 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2017-2018;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định danh mục địa bàn (thôn, bản) và khoảng cách học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2243/TTr-SGDĐT ngày 25/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp gạo hỗ trợ cho học sinh học kỳ I năm học 2017- 2018, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Đối tượng được hỗ trợ: Học sinh đang học học kỳ I năm học 2017- 2018 tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ- CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

2. Số lượng học sinh được hưởng: 19.643 học sinh của 244 trường.

3. Số lượng gạo hỗ trợ học kỳ I năm học 2017 - 2018: 1.473.225 kg.

4. Mức hỗ trợ: 15kg/01 tháng/01 học sinh.

5. Nguồn gạo hỗ trợ: Từ nguồn dự trữ quốc gia theo Quyết định số 488/QĐ-TCĐT ngày 14/8/2017 của Tổng cục Dự trữ Nhà nước về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2017-2018.

(Nội dung chi tiết về số lượng gạo cấp cho các trường và số lượng học sinh của mỗi trường được hưởng tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa có trách nhiệm đóng bao thuận lợi, vận chuyển và giao gạo hỗ trợ học sinh tại điểm trường chính (có đường ô tô) của các trường có học sinh được hỗ trợ, đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. UBND các huyện, xã và đơn vị được hỗ trợ gạo có trách nhiệm phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa trong công tác giao, nhận gạo hỗ trợ; đồng thời, cấp gạo hỗ trợ kịp thời cho học sinh, đảm bảo đúng đối tượng, định mức theo quy định.

3. Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí vận chuyển gạo từ trung tâm huyện đến các điểm trường chính của các Nhà trường do Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa lập, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra UBND các huyện thực hiện việc hỗ trợ gạo cho học sinh, đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện.

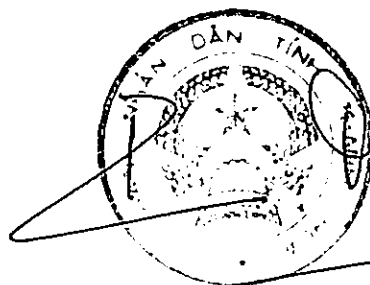
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa, Chủ tịch UBND các huyện và thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
- PCVP Phạm Đình Minh;
- Lưu: VT, VX.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

Phụ lục
SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ GẠO VÀ SỐ LƯỢNG GẠO HỖ TRỢ HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2017-2018 CHO HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO QUY ĐỊNH TẠI
NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Quyết định số: 3779 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên trường	Số lượng học sinh được hỗ trợ gạo				Định mức hỗ trợ/học sinh (kg)	Số tháng được hỗ trợ HKI năm học 2017 - 2018	Tổng số gạo hỗ trợ HKI năm học 2017 - 2018 (kg)	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó học sinh cấp						
			Tiểu học	THCS	THPT				
(1)	(2)	(3)= (4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(3)x(7)x(8)	(10)
I.	Huyện Mường Lát	2.431	529	1.257	645			182.325	
1	Tiểu học Mường Chanh	35	35			15	5	2.625	
2	Tiểu học Quang Chiêu 1	36	36			15	5	2.700	
3	Tiểu học Quang Chiêu 2	38	38			15	5	2.850	
4	Tiểu học Tén Tàn	19	19			15	5	1.425	
5	Tiểu học Tam Chung	168	168			15	5	12.600	
6	Tiểu học Pù Nhi	80	80			15	5	6.000	
7	Tiểu học Nhi Sơn	4	4			15	5	300	
8	Tiểu học Trung Lý 1	43	43			15	5	3.225	
9	Tiểu học Trung Lý 2	12	12			15	5	900	
10	Tiểu học Mường Lý	90	90			15	5	6.750	
11	Tiểu học Tây Tiến	4	4			15	5	300	
12	THCS Quang Chiêu	68		68		15	5	5.100	
13	THCS Tén Tàn	39		39		15	5	2.925	
14	THCS Pù Nhi	210		210		15	5	15.750	

15	THCS Nhi Sơn	78		78		15	5	5.850	
16	PTDTBT THCS Tam Chung	226		226		15	5	16.950	
17	PTDTBT THCS Trung Lý	356		356		15	5	26.700	
18	PTDTBT THCS Mường Lý	280		280		15	5	21.000	
19	THPT Mường Lát	645			645	15	5	48.375	
II.	Huyện Quan Hóa	2.131	499	951	681			159.825	
1	Tiểu học Xuân Phú	9	9			15	5	675	
2	Tiểu học Hồi Xuân	32	32			15	5	2.400	
3	Tiểu học Nam Xuân	6	6			15	5	450	
4	Tiểu học Nam Tiến	22	22			15	5	1.650	
5	Tiểu học Nam Động	48	48			15	5	3.600	
6	Tiểu học Thiên Phú	23	23			15	5	1.725	
7	Tiểu học Thanh Xuân	50	50			15	5	3.750	
8	Tiểu học Phú Lệ	31	31			15	5	2.325	
9	Tiểu học Phú Thanh	50	50			15	5	3.750	
10	Tiểu học Thành Sơn	86	86			15	5	6.450	
11	Tiểu học Trung Thành	57	57			15	5	4.275	
12	Tiểu học Trung Sơn	85	85			15	5	6.375	
13	THCS Thị trấn	13		13		15	5	975	
14	THCS Hồi Xuân	105		105		15	5	7.875	
15	THCS Nam Xuân	22		22		15	5	1.650	
16	THCS Nam Tiến	67		67		15	5	5.025	
17	PTDTBT THCS Nam Động	106		106		15	5	7.950	
18	THCS&THPT Quan Hóa	65		65		15	5	4.875	
19	THCS Hiền Chung	29		29		15	5	2.175	
20	THCS Hiền Kiệt	42		42		15	5	3.150	
21	PTDTBT THCS Thanh Xuân	126		126		15	5	9.450	
22	THCS Phú Lệ	32		32		15	5	2.400	

23	THCS Phú Sơn	112		112		15	5	8.400	
24	PTDTBT THCS Phú Thành	52		52		15	5	3.900	
25	THCS Thành Sơn	39		39		15	5	2.925	
26	THCS Trung Thành	90		90		15	5	6.750	
27	THCS Trung Sơn	51		51		15	5	3.825	
28	THCS&THPT Quan Hóa	275			275	15	5	20.625	
27	THPT Quan Hóa	406			406	15	5	30.450	
III.	Huyện Quan Sơn	2.965	832	1.200	933			222.375	
1	Tiểu học Trung Xuân	88	88			15	5	6.600	
2	Tiểu học Trung Tiến	24	24			15	5	1.800	
3	Tiểu học Sơn Lư	50	50			15	5	3.750	
4	Tiểu học Sơn Hà	78	78			15	5	5.850	
5	Tiểu học Tam Lư	114	114			15	5	8.550	
6	Tiểu học Tam Thanh	158	158			15	5	11.850	
7	Tiểu học Sơn Điện 1	1	1			15	5	75	
8	Tiểu học Sơn Điện 2	41	41			15	5	3.075	
9	Tiểu học Sơn Thủy	66	66			15	5	4.950	
10	Tiểu học Na Mèo	85	85			15	5	6.375	
11	TH&THCS Thị trấn	163	127	36		15	5	12.225	
12	THCS Trung Xuân	44		44		15	5	3.300	
13	PTDTBT THCS Trung Hạ	96		96		15	5	7.200	
14	PTDTBT THCS Trung Tiến	89		89		15	5	6.675	
15	PTDTBT THCS Trung Thượng	66		66		15	5	4.950	
16	THCS Sơn Lư	115		115		15	5	8.625	
17	THCS Sơn Hà	92		92		15	5	6.900	
18	THCS Tam Lư	85		85		15	5	6.375	
19	PTDTBT THCS Tam Thanh	199		199		15	5	14.925	
20	PTDTBT THCS Sơn Điện	115		115		15	5	8.625	

21	THCS Mường Mìn	51		51		15	5	3.825	
22	PTDTBT THCS Sơn Thủy	130		130		15	5	9.750	
23	PTDTBT THCS Nà Mèo	82		82		15	5	6.150	
24	THPT Quan Sơn	618		618		15	5	46.350	
25	THPT Quan Sơn 2	315		315		15	5	23.625	
IV.	Huyện Bá Thước	1.429	201	351	877	390	130	107.175	
1	Tiểu học Lương Trung 2	2	2			15	5	150	
2	Tiểu học Lương Trung 1	12	12			15	5	900	
3	Tiểu học Lương Nội	51	51			15	5	3.825	
4	Tiểu học Lương Ngoại	15	15			15	5	1.125	
5	Tiểu Điền Quang 1	24	24			15	5	1.800	
6	Tiểu học Ái Thượng	23	23			15	5	1.725	
7	Tiểu học Thiết Ống 1	25	25			15	5	1.875	
8	Tiểu học Lũng Cao 2	1	1			15	5	75	
9	Tiểu học Văn Nho	30	30			15	5	2.250	
10	Tiểu học Kỳ Tân	18	18			15	5	1.350	
11	THCS Cổ Lũng	42		42		15	5	3.150	
12	THCS Lũng Cao	54		54		15	5	4.050	
13	THCS Lũng Niên	17		17		15	5	1.275	
14	THCS Thành Lâm	39		39		15	5	2.925	
15	THCS Thành Sơn	51		51		15	5	3.825	
16	THCS Điền Thượng	12		12		15	5	900	
17	THCS Lương Trung	34		34		15	5	2.550	
18	THCS Lương Ngoại	8		8		15	5	600	
19	THCS Lương Nội	42		42		15	5	3.150	
20	THCS Văn Nho	7		7		15	5	525	
21	THCS Kỳ Tân	14		14		15	5	1.050	
22	THCS Thiết ống	17		17		15	5	1.275	

23	THCS Lâm/Xã	14		14		15	5	1.050	
24	THPT Bá Thước	260			260	15	5	19.500	
25	THPT Hà Văn Mao	353			353	15	5	26.475	
26	THPT Bá Thước/3	264			264	15	5	19.800	
V.	Huyện Lang Chánh	1.333	167	516	650			99.975	
1	Tiểu học Yên Khương 1	14	14			15	5	1.050	
2	Tiểu học Giao Thiện	21	21			15	5	1.575	
3	Tiểu học Yên Thắng 1	43	43			15	5	3.225	
4	Tiểu học Lâm Phú	1	1			15	5	75	
5	Tiểu học Trí Nang	1	1			15	5	75	
6	Tiểu học Yên Khương II	87	87			15	5	6.525	
7	THCS Yên Khương	74		74		15	5	5.550	
8	THCS Tam Văn	61		61		15	5	4.575	
9	THCS Tân Phúc	91		91		15	5	6.825	
10	THCS Yên Thắng	72		72		15	5	5.400	
11	THCS Đồng Lương	19		19		15	5	1.425	
12	THCS Trí Nang	29		29		15	5	2.175	
13	PTDTBT THCS Giao Thiện	111		111		15	5	8.325	
14	THCS Lâm Phú	59		59		15	5	4.425	
15	THPT Lang Chánh	650			650	15	5	48.750	
VI.	Huyện Ngọc Lặc	1.129	235	339	555			84.675	
1	Tiểu học Vân Am 1	86	86			15	5	6.450	
2	Tiểu học Vân Am 2	70	70			15	5	5.250	
3	Tiểu học Thạch Lập 1	8	8			15	5	600	
4	Tiểu học Thạch Lập 2	67	67			15	5	5.025	
5	Tiểu học Phùng Giáo	4	4			15	5	300	
6	THCS Phùng Giáo	26		26		15	5	1.950	
7	THCS Vân Am	98		98		15	5	7.350	

8	THCS Thạch Lập	139		139		15	5	10.425	
9	THCS Thủy Sơn	76		76		15	5	5.700	
10	THPT Ngọc Lặc	301			301	15	5	22.575	
11	THPT Lê Lai	140			140	15	5	10.500	
12	THPT Bắc Sơn	114			114	15	5	8.550	
VII.	Huyện Cẩm Thủy	573	295	61	217			42.975	
1	Tiểu học Cẩm Thành	77	77			15	5	5.775	
2	Tiểu học Cẩm Liên	29	29			15	5	2.175	
3	Tiểu học Cẩm Châu	81	81			15	5	6.075	
4	Tiểu học Cẩm Phú	25	25			15	5	1.875	
5	Tiểu học Cẩm Long	83	83			15	5	6.225	
6	THCS Cẩm Thành	8		8		15	5	600	
7	THCS Cẩm Long	53		53		15	5	3.975	
8	THPT Cẩm Thủy 1	82			82	15	5	6.150	
9	THPT Cẩm Thủy 2	65			65	15	5	4.875	
10	THPT Cẩm Thủy 3	70			70	15	5	5.250	
VIII.	Huyện Thạch Thành	1.181	478	276	427			88.575	
1	Tiểu học Thạch Cẩm 1	5	5			15	5	375	
2	Tiểu học Thạch Tượng 2	33	33			15	5	2.475	
3	Tiểu học Thành Mỹ	178	178			15	5	13.350	
4	Tiểu học Thạch Lâm 1	49	49			15	5	3.675	
5	Tiểu học Thành Yên	70	70			15	5	5.250	
6	Tiểu học Thạch Lâm 2	13	13			15	5	975	
7	Tiểu học Thành Công	47	47			15	5	3.525	
8	Tiểu học Thành Minh	16	16			15	5	1.200	
9	Tiểu học Thành Minh 2	65	65			15	5	4.875	
10	Tiểu học Thạch Tượng 1	2	2			15	5	150	
11	THCS Thành Yên	43		43		15	5	3.225	

12	THCS Thạch Tượng	28		28		15	5	2.100	
13	THCS Thạch Lâm	44		44		15	5	3.300	
14	THCS Thành Mỹ	126		126		15	5	9.450	
15	THCS Thành Minh	27		27		15	5	2.025	
16	THCS Thạch Quảng	8		8		15	5	600	
17	THPT Thạch Thành I	27			27	15	5	2.025	
18	THPT Thạch Thành II	34			34	15	5	2.550	
19	THPT Thạch Thành III	260			260	15	5	19.500	
20	THPT Thạch Thành IV	106			106	15	5	7.950	
IX.	Huyện Thường Xuân	3.614	1.251	1.126	1.237			271.050	
1	Tiểu học Bát Mọt 1	137	137			15	5	10.275	
2	Tiểu học Bát Mọt 2	10	10			15	5	750	
3	Tiểu học Luận Khê 1	101	101			15	5	7.575	
4	Tiểu học Luận Khê 2	144	144			15	5	10.800	
5	Tiểu học Luận Thành	72	72			15	5	5.400	
6	Tiểu học Tân Thành 1	22	22			15	5	1.650	
7	Tiểu học Tân Thành 2	23	23			15	5	1.725	
8	Tiểu học Vạn Xuân	146	146			15	5	10.950	
9	Tiểu học Xuân Cẩm	53	53			15	5	3.975	
10	Tiểu học Xuân Chinh	127	127			15	5	9.525	
11	Tiểu học Xuân Lệ	155	155			15	5	11.625	
12	Tiểu học Xuân Lộc	64	64			15	5	4.800	
13	Tiểu học Xuân Thắng	66	66			15	5	4.950	
14	Tiểu học Yên Nhân 1	65	65			15	5	4.875	
15	Tiểu học Yên Nhân 2	66	66			15	5	4.950	
16	THCS Luận Thành	106		106		15	5	7.950	
17	THCS Tân Thành	3		3		15	5	225	
18	THCS Vạn Xuân	129		129		15	5	9.675	

19	THCS Xuân Cẩm	17		17		15	5	1.275	
20	THCS Xuân Lộc	9		9		15	5	675	
21	THCS Xuân Thắng	29		29		15	5	2.175	
22	PTDTBT THCS Bất Mot	184		184		15	5	13.800	
23	PTDTBT THCS Luận Khê	245		245		15	5	18.375	
24	PTDTBT THCS Xuân Chinh	100		100		15	5	7.500	
25	PTDTBT THCS Xuân Lệ	136		136		15	5	10.200	
26	PTDTBT THCS Yên Nhân	168		168		15	5	12.600	
27	THPT Cẩm Bá Thước	185			185	15	5	13.875	
28	THPT Thường Xuân 2	493			493	15	5	36.975	
29	THPT Thường Xuân 3	559			559	15	5	41.925	
X.	Huyện Như Thanh	1.413	389	392	632			105.975	
1	Tiểu học Thanh Tân 2	71	71			15	5	5.325	
2	Tiểu học Thanh Tân 1	151	151			15	5	11.325	
3	Tiểu học Thanh Kỳ	34	34			15	5	2.550	
4	Tiểu học Yên Lạc	35	35			15	5	2.625	
5	Tiểu học Phụng Nghi	3	3			15	5	225	
6	Tiểu học Xuân Khang 1	6	6			15	5	450	
7	Tiểu học Xuân Khang 2	2	2			15	5	150	
8	Tiểu học Mậu Lâm 2	34	34			15	5	2.550	
9	Tiểu học Cán Khê	23	23			15	5	1.725	
10	Tiểu học Xuân Thái	30	30			15	5	2.250	
11	TH&THCS Phúc Đường	12		12		15	5	900	
12	THCS Xuân Thái	99		99		15	5	7.425	
13	THCS Thanh Tân	230		230		15	5	17.250	
14	THCS Thanh Kỳ	48		48		15	5	3.600	
15	THCS Xuân Khang	3		3		15	5	225	
16	THPT Như Thanh	188			188	15	5	14.100	

17	THPT Như Thanh 2	291			291	15	5	21.825	
18	THCS&THPT Như Thanh	153			153	15	5	11.475	
XI.	Huyện Như Xuân	609	132	109	368			45.675	
1	Tiểu học Thanh Xuân	14	14			15	5	1.050	
2	Tiểu học Cát Tân	22	22			15	5	1.650	
3	Tiểu học Thanh Lâm	48	48			15	5	3.600	
4	Tiểu học Thanh Quân	48	48			15	5	3.600	
5	TH&THCS Thanh Hòa	17		17		15	5	1.275	
6	THCS Thanh Lâm	17		17		15	5	1.275	
7	THCS Cát Tân	27		27		15	5	2.025	
8	THCS Thanh Sơn	24		24		15	5	1.800	
9	THCS Thanh Xuân	24		24		15	5	1.800	
10	THCS&THPT Như Xuân	186			186	15	5	13.950	
11	THPT Như Xuân	95			95	15	5	7.125	
12	THPT Như Xuân 2	87			87	15	5	6.525	
XII.	Huyện Vĩnh Lộc	247	155	51	41			18.525	
1	Tiểu học Vĩnh An	18	18			15	5	1.350	
2	Tiểu học Vĩnh Thịnh	80	80			15	5	6.000	
3	Tiểu học Vĩnh Hùng	57	57			15	5	4.275	
4	THCS Vĩnh Thịnh	51		51		15	5	3.825	
5	THPT Vĩnh Lộc	10			10	15	5	750	
6	THPT Trần Khát Chân	20			20	15	5	1.500	
7	THPT Tống Duy Tân	11			11	15	5	825	
XIII.	Huyện Yên Định	44	32		12			3.300	
1	Tiểu học Yên Lâm	32	32			15	5	2.400	
2	THCS&THPT Thống Nhất	6			6	15	5	450	
3	THPT Yên Định 3	6			6	15	5	450	

XIV.	Huyện Thọ Xuân	282	168	75	39			21.150	
1	Tiểu học Xuân Thắng	22	22			15	5	1.650	
2	Tiểu học Xuân Phú	73	73			15	5	5.475	
3	Tiểu học Quảng Phú	73	73			15	5	5.475	
4	THCS Xuân Thắng	22		22		15	5	1.650	
5	THCS Xuân Phú	53		53		15	5	3.975	
6	THPT Lam Kinh	2			2	15	5	150	
7	THPT Thọ Xuân 4	10			10	15	5	750	
8	THPT Thọ Xuân 5	27			27	15	5	2.025	
XV.	Huyện Tĩnh Gia	221	101	61	59			16.575	
1	Tiểu học Tân Trường	59	59			15	5	4.425	
2	Tiểu học Phú Sơn	40	40			15	5	3.000	
3	Tiểu học Ninh Hải	2	2			15	5	150	
4	THCS Tân Trường	38		38		15	5	2.850	
5	THCS Phú Sơn	23		23		15	5	1.725	
6	THPT Tĩnh Gia 5	12			12	15	5	900	
7	THPT Tĩnh Gia 2	1			1	15	5	75	
8	THPT Tĩnh Gia 1	12			12	15	5	900	
9	THPT Tĩnh Gia 3	34			34	15	5	2.550	
XVI.	Huyện Hoằng Hóa	7	-	-	7			525	
1	THPT Lương Đắc Bằng	3			3	15	5	225	
2	THPT Lê Viết Tạo	4			4	15	5	300	
XVII.	Huyện Hậu Lộc	34	-	-	34			2.550	
1	THPT Đinh Chương Dương	21			21	15	5	1.575	
2	THPT Hậu Lộc 1	13			13	15	5	975	
244	Tổng cộng	19.643	5.464	6.765	7.414			1.473.225	